

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC HÓA 8 TUẦN 7, 8

(18/10 - 30/10/2021)

(TIẾT 13)

NỘI DUNG BÀI HỌC	GHI CHÚ
<u>Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</u>	
<u>BÀI 6. HÓA TRỊ (T2)</u> <u>II- QUY TẮC HOÁ TRỊ:</u> <u>2. Vận dụng:</u> b/ Tính hoá trị của một nguyên tố: Ví dụ: Tính hoá trị của Fe trong hợp chất FeCl₃, Cl (I) Giải: Gọi hoá trị của Fe là a $1.a = 3. I$ $a = \frac{3.I}{1} = 3$ → Fe có hoá trị III b/ Lập công thức hoá học của hợp chất theo hoá trị: <u>Ví dụ:</u> Lập công thức hoá học của hợp chất tạo bởi N (IV) và O - Gọi CTTQ: $N_x^{IV}O_y^{II}$ - Áp dụng QTHT: $a.x = b.y$ $\Rightarrow IV.x = II.y$ $\Rightarrow \frac{x}{y} = \frac{II}{IV} = \frac{1}{2} \Rightarrow x = 1; y = 2.$ $\Rightarrow$ Công thức cần lập: NO₂. * Các bước lập công thức hoá học 1- Gọi CTTQ: $A_x^aB_y^b$ 2- Áp dụng QTHT: $a.x = b.y$ 3- Lập tỷ lệ: $\frac{x}{y} = \frac{b}{a} = \frac{b'}{a'}$ $\Rightarrow x, y \Rightarrow$ CT đúng cần tìm.	- GV: Hướng dẫn HS cách tính hoá trị của Fe trong hợp chất FeCl₃. - GV: Yêu cầu HS xác định hoá trị của C trong hợp chất CO₂. - GV: Hướng dẫn các bước tương tự như tính hoá trị của Fe - GV: Hướng dẫn HS lập công thức hoá học của hợp chất tạo bởi nitơ IV và oxi. 1- $N_x^{IV}O_y^{II}$ 2- $IV.x = II.y$ 3- $\frac{x}{y} = \frac{II}{IV} = \frac{1}{2}$ ⇒ x, y ⇒ công thức đúng. - GV: Dựa vào VD hãy nêu các bước giải - GV: Nhận xét - GV: Lập công thức hoá học của hợp chất gồm: *Nhôm (III) và nhóm SO₄(II) - GV: Cho HS lên bảng sửa. - GV: Nhận xét - GV: Lưu ý một số vấn đề + Nếu a = b thì x = y = 1 + Nếu a khác b và tỉ lệ a:b (tối giản) thì x = b, y = a + Nếu a: b chưa tối giản thì giản ước để có a': b' và lấy x = b', y = a'.

Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

Bài 5/38.

a/ Lập CTHH của:

a2/ C (IV) và S (II)

- Gọi CTTQ: C_xS_y

- Áp dụng QTHT: $a.x = b.y$

$$\Rightarrow IV \cdot x = II \cdot y$$

$$\Rightarrow x/y = 2/4 = 1/2$$

$$\Rightarrow x = 1; y = 2.$$

$\Rightarrow$ Công thức cần lập là: CS_2 .

Bài 6/38.

+ $MgCl \rightarrow II.1 \neq I.1 \rightarrow$ Sai $\rightarrow$ Sửa lại: $MgCl_2$

+ $KO \rightarrow I.1 \neq II.1 \rightarrow$ Sai $\rightarrow$ Sửa lại: K_2O

- Làm bài tập 5,6/ SGK/ 38.

b3/ Ca (II) và (NO_3) (I)

- Gọi CTTQ: $Ca_x(NO_3)_y$

- Áp dụng QTHT: $a.x = b.y$

$$\Rightarrow II \cdot x = I \cdot y$$

$$\Rightarrow x/y = 1/2$$

$$\Rightarrow x = 1; y = 2.$$

$\Rightarrow$ Công thức cần lập là: $Ca(NO_3)_2$.

+ $CaCl_2 \rightarrow II.1 = I.2 \rightarrow$ Đúng

+ $NaCO_3 \rightarrow I.1 \neq II.1 \rightarrow$ Sai

$\rightarrow$ Sửa lại: Na_2CO_3

(TIẾT 14)

NỘI DUNG BÀI HỌC	GHI CHÚ
<u>Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</u>	
<u>BÀI 11. BÀI LUYỆN TẬP 2</u> <u>I- KIẾN THỨC CẦN NHỚ:</u> + Đơn chất: A: Đối với kim loại và một số phi kim. Ax: Đối với 1 số phi kim (thường thì $x=2$) + Hợp chất: A_xB_y; $A_xB_yC_z$ - HS: Nhắc lại định nghĩa hóa trị và viết QTHT. $A_x^aB_y^b \Rightarrow x.a = y.b$ + Tính hóa trị của một nguyên tố + Lập công thức hóa học <u>II- LUYỆN TẬP:</u>	- GV:YC HS nhắc lại công thức chung của đơn chất, hợp chất - GV: Hóa trị là gì? Phát biểu quy tắc hóa trị? - GV: Quy tắc hóa trị vận dụng để làm những loại bài tập nào? GV: YC HS thảo luận nhóm làm

Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

Bài 1/ SGK41:

$\text{Cu}(\text{OH})_2$: Cu có hoá trị II

PCl_5 : P có hoá trị V

SiO_2 : Si có hoá trị IV

$\text{Fe}(\text{NO}_3)_3$: Fe có hoá trị III

Bài 2:

a- SiO_2 . PTK = $28.1 + 16.2 = 60$ đvC

b- PH_3 . PTK = $31.1 + 1.3 = 34$ đvC

c- AlCl_3 . PTK = $27.1 + 35.3 = 133,5$ đvC

d- $\text{Ca}(\text{OH})_2$. PTK = $40.1 + (16+1).2 = 74$ đvC

Bài 3:

a. ZnCl_2 : - Có 2 nguyên tố Zn, Cl.

- Có 1Zn, 2Cl.

- PTK = 136 đvC.

b. H_2SO_4 : - Có 3 nguyên tố H, S, O.

- Có 2H, 1S, 4O.

- PTK = 98 đvC.

Bài 4: Gọi hoá trị của Fe là a.

Áp dụng quy tắc hoá trị ta có: $\text{II}.3 = \text{a}.2$

→ a = III. Vậy hoá trị của Fe là III.

BT1/SGK41.

-GV: Gọi 2 HS lên bảng làm BT và thu vở HS chấm lấy điểm.

Bài 2: Lập công thức hoá học và tính PTK của các hợp chất tạo bởi:

a-Silic IV và oxi

b- Photpho III và Hidro

c-Nhôm và Clo (I)

d-Canxi và nhóm OH(I)

- GV: Hướng dẫn cách lập công thức nhanh nhất:

+ Nếu a=b (x=y=1

+ Nếu a(b (a:b (tối giản)(x=b, y=a

Bài 3: Cho các CTHH sau:

Kẽm clorua ZnCl_2 .

Axit sunfuric H_2SO_4 .

Hãy nêu những gì biết về các hợp chất trên.

Bài 4: Tính hoá trị của Fe trong hợp chất Fe_2O_3 .

(TIẾT 15)

NỘI DUNG BÀI HỌC	GHI CHÚ
<u>Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</u>	
<u>BÀI 11. SỰ BIẾN ĐỔI CHẤT</u> I- Hiện tượng vật lí: Hiện tượng chất biến đổi mà vẫn giữ nguyên là chất ban đầu, ta nói đó là hiện tượng vật lí. Ví dụ: - Nước đun sôi → hơi nước và hơi ngưng tụ → thành nước - Nghiền nát đường → bột đường mịn II- Hiện tượng hoá học: Hiện tượng chất biến đổi có tạo ra chất khác. Ví dụ: - Nung nóng đường, đường phân huỷ → Than và nước. - Bỏ kẽm vào axitclohidric → Muối kẽm và khí hiđrô * Chú ý: Chọn bột Fe nguyên chất, trộn kỹ và đều với bột S (theo tỷ lệ khối lượng S: Fe > 32: 56)	- GV: Yêu cầu HS quan sát hình vẽ 2.1 (SGK trang 45) - GV hỏi: Hình vẽ đó nói lên điều gì? - GV hỏi: Làm sao có thể thực hiện các biến đổi đó? - GV hỏi: Trong các quá trình trên, chất có bị thay đổi không? - GV: Hướng dẫn TN hoà tan muối ăn vào nước và cô cạn dung dịch nước muối. -GV: Yêu cầu HS rút ra nhận xét chung về các quá trình biến đổi trên. * -GV: Đó gọi là hiện tượng vật lí. Vậy, thế nào là hiện tượng vật lí? - GV: Hướng dẫn thí nghiệm: Trộn đều bột sắt với bột lưu huỳnh rồi chia làm 2 phần. +P1: Đưa nam châm lại gần. +P2: Đun nóng, đưa nam châm lại gần. Quan sát hiện tượng xảy ra. -GV:Em hãy rút ra kết luận? -GV: Làm thí nghiệm: Đun nóng đường trên ngọn lửa đèn cồn. - GV: Đó là hiện tượng hoá học. Vậy hiện tượng hoá học là gì? -GV hỏi: Làm sao có thể phân biệt hiện tượng vật lí và hoá học?
<u>Hoạt động 2:Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</u>	
<u>Bài 3/47.</u> - Giai đoạn 1: Nén chảy lỏng thấm vào bác → HT vật lý. - Giai đoạn 2: Nén lỏng chuyển thành hơi	- Làm lại các bài tập SGK trang 47 <u>Bài 2/47.</u> - Hiện tượng vật lý: b và d

→ HT vật lý. Giai đoạn 3: Hơi nền cháy tạo ra khí Cacbonic và hơi nước → HT hóa học.	Hiện tượng hóa học: a và c -
--	--

(TIẾT 16)

NỘI DUNG BÀI HỌC	GHI CHÚ
<u>Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</u>	
I- ĐỊNH NGHĨA: Phản ứng hoá học là quá trình biến đổi từ chất này thành chất khác - Chất ban đầu(biến đổi trong phản ứng) gọi là chất phản ứng (hay chất tham gia) - Chất sinh ra sau phản ứng gọi là sản phẩm * Cách ghi, đọc phương trình chữ của phản ứng: Tên các chất phản ứng → Tên các sản phẩm Ví dụ: t⁰ Đường → Than + Nước Kẽm + axitclohidric → kẽm clorua + khí hiđro II- DIỄN BIẾN CỦA PHẢN ỨNG HOÁ HỌC: - Trong phản ứng hoá học chỉ có liên kết giữa các nguyên tử thay đổi làm cho phân tử này biến đổi thành phân tử khác	GV: Quá trình biến đổi chất này thành chất khác gọi là phản ứng hoá học.Vậy phản ứng hoá học là gì? -GV:Trong phản ứng hoá học có chất ban đầu, chất mới. Chất ban đầu gọi là chất gì? Chất mới sinh gọi là chất gì? - GV: Lấy ví dụ: Lưu huỳnh + oxi → lưu huỳnh đioxit (Chất tham gia) (sản phẩm) -GV hỏi:Vậy cách viết phương trình chữ ntn? - GV hướng dẫn và yêu cầu HS viết phản ứng đường phân huỷ thành than và nước. - GV: Lấy thêm ví dụ yêu cầu HS thực hiện viết phương trình chữ và cho HS đọc các phản ứng trên. - GV: Cho HS quan sát h. 2.5 và hỏi: 1.Trước phản ứng (hình a) có những phân tử nào? 2. Các nguyên tử nào liên kết với nhau? 3.Trong phản ứng (hình b): các nguyên tử nào liên kết với nhau? 4. So sánh số nguyên tử H và O trong phản ứng b và trước phản ứng a? 5. Sau phản ứng có các phân tử nào? -GV hỏi: Các nguyên tử nào liên kết với các nguyên tử nào? -GV hỏi:Em hãy so sánh thành phần và liên kết của chất tham gia và sản phẩm.

	-GV: Yêu cầu HS rút ra kết luận về diễn biến của phản ứng hoá học?
<u>Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tư học.</u>	
- Làm bài tập 1,2,3 trang 50 SGK.	- Viết phương trình chữ của: a. Kẽm cháy trong không khí tạo ra kẽm oxit. b. Sắt tác dụng với đồng sunfat tạo ra đồng và sắt sunfat.

(TIẾT 17)

NỘI DUNG BÀI HỌC	GHI CHÚ
<u>Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</u>	
III. KHI NÀO PHẢN ỨNG HOÁ HỌC XẢY RA: 1- Các chất phản ứng phải tiếp xúc với nhau. 2- Một số phản ứng cần có nhiệt độ. 3- Một số phản ứng cần có mặt của chất xúc tác. IV. LÀM THẾ NÀO ĐỂ NHẬN BIẾT CÓ PHẢN ỨNG HOÁ HỌC XẢY RA? + Dựa vào dấu hiệu có chất mới tạo thành. + Màu sắc + Tính tan + Trạng thái (Tạo ra chất rắn không tan [kết tủa], tạo ra chất khí)	- GV: Làm thí nghiệm biểu diễn: $Zn + HCl$. Yêu cầu HS quan sát và nêu hiện tượng. Sau đó rút ra điều kiện thứ nhất để phản ứng hóa học xảy ra. -GV: Giới thiệu sản phẩm. Yêu cầu HS lên viết phương trình chữ của phản ứng. - GV diễn giảng thêm: Bề mặt tiếp xúc càng lớn thì phản ứng xảy ra dễ dàng và nhanh hơn. - GV hỏi: Than muốn cháy trong không khí ta phải làm gì? -GV: Trong thực tế, quá trình biến đổi từ gạo thành rượu cần điều kiện gì? - GV: Vậy, điều kiện tiếp theo là gì? - GV: Yêu cầu HS nêu lại các điều kiện để một phản ứng hóa học xảy ra. - GV: Thí nghiệm $Zn + HCl$. Vì sao chúng ta biết có phản ứng xảy ra? - GV: Làm thí nghiệm: Nhiệt phân đường. Yêu cầu HS nêu dấu hiệu phản ứng. - GV hỏi: Đốt củi ta sẽ thấy điều gì? - GV: Vậy, có những dấu hiệu nào để nhận biết có phản ứng hoá học xảy ra?
<u>Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tư học.</u>	

<u>Bài tập:</u> Nhỏ một vài giọt axit clohydric (HCl) vào cục đá vôi (có thành phần chính là canxicacbonat) ta thấy có bọt khí sủi lên. a. Dấu hiệu nào cho thấy có phản ứng hoá học xảy ra? b. Viết phương trình chữ của phản ứng, biết rằng sản phẩm của phản ứng là chất canxiclorua, nước và cacbondioxit.	- Làm bài tập 5,6/SGK/51. - <u>Bài 5/51.</u> + Dấu hiệu để nhận biết có phản ứng xảy ra là: có sủi bọt ở vỏ trứng. + PT chữ: - <u>Bài 6/51.</u> a/ Cần đập nhỏ than trước khi đưa vào bếp, rồi dùng que lửa châm rồi quạt đến than bén cháy, vì để tăng diện tích tiếp xúc với Oxi, giúp sự cháy mãnh liệt hơn. b/ PT chữ:
--	---

Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
HÓA 8	Mục I: Phần 1:	1. 2. 3.